

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 8 – 2019

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 66/2019/TLST- HNGĐ về việc: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX - ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích P - sinh năm 1989; (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Bị đơn: anh Nguyễn M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày: Vào năm 2017 chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn M được Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ cho ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 09/2017/QĐST- HNGĐ ngày 02/02/2017. Khi ly hôn vợ chồng không yêu cầu chia tài sản chung. Hiện tài sản chung của chị P và anh M có mảnh vườn tại thửa số 381 tờ bản đồ số 02 diện tích 264m² được Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả hai. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh M đang giữ. Qua đo đạc thực tế diện tích còn lại 361,3m², nay chị yêu cầu chia đôi tài sản này mỗi người được nhận 130,65m²

Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa bị đơn anh Nguyễn M trình bày:

Anh Nguyễn M thừa nhận vợ chồng anh sau khi ly hôn còn tài sản chung chưa chia gồm 01 thửa đất số 381 tờ bản đồ số 02 xã P diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 264m². Nay chị P yêu cầu chia mỗi người ½ diện tích đất này thì anh không đồng ý. Vì anh muốn để toàn bộ diện tích đất này lại cho 02 con chung của anh và chị P.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn M ở thôn L, xã P. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn M được Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ cho ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số: 09/2017/QĐST- HNGĐ ngày 02/02/ 2017. Khi ly hôn vợ chồng không yêu cầu chia tài sản chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị P, anh M mua được mảnh đất tại thửa 381 tờ bản đồ số 2 diện tích 261,3 m² được Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn M và chị Nguyễn Thị Bích P vào ngày 04/6/2014. Anh Nguyễn M cũng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung chưa chia là thửa đất số 381 tờ bản đồ số 2 diện tích qua đo đạc thực tế là 261,3m². Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tài sản của chị P và anh M gồm thửa đất số 381 tờ bản đồ số 2 diện tích 261,3m² nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của anh M để lại tài sản này cho các con là không phù hợp nên không được chấp nhận

[4] Về cách chia: Xét công sức đóng góp, tạo lập của hai vợ chồng là như nhau. Hiện nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu về chỗ ở cần chia cho anh Nguyễn M 130,65m² có giới cận Đông giáp đường bê tông có chiều dài 5.04m; Nam giáp phần đất giao cho chị P có chiều dài 26.95m; Bắc giáp thửa đất số 65 có chiều dài 26,61m; Tây giáp thửa đất số 64 có chiều dài 5.04m. Chia cho chị Nguyễn Thị Bích P diện tích 130,65m² có giới cận Đông giáp đường bê tông có chiều dài 4.96m; Nam giáp thửa 382 có chiều dài 27.29m; Bắc giáp phần đất giao cho anh M có chiều dài 26,95m; Tây giáp thửa đất số 64 có chiều dài 4.96m .Trên phần giao cho anh M có 01 cây keo và 01 cây nhãn núi, chị P không yêu cầu anh M bồi lại giá trị các cây này nên Hội đồng xét xử không xét. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo, là bộ phận không thể tách rời của bản án)

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.500.000 đồng chị P đã nộp nên cần buộc anh M phải có nghĩa vụ bồi lại ½ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.250.000 đồng

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn M phải chịu án phí chia tài sản là $[(130,65\text{m}^2 \times 270.000 \text{ đồng} + 100.000\text{đ}) \times 5\%] = 1.768.775 \text{ đồng}$; Buộc chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu $[(130,65\text{m}^2 \times 270.000 \text{ đồng}) \times 5\%] = 1.763.775 \text{ đồng}$

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 33; 59 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Bích P.

Chia cho chị Nguyễn Thị Bích P diện tích 130,65m² có giới cận Đông giáp đường bê tông có chiều dài 4.96m; Nam giáp thửa 382 có chiều dài 27.29m; Bắc giáp phần đất giao cho anh M có chiều dài 26,95m; Tây giáp thửa đất số 64 có chiều dài 4.96m.

Chia cho anh Nguyễn M diện tích 130,65m² có giới cận Đông giáp đường bê tông có chiều dài 5.04m; Nam giáp phần đất giao cho chị P có chiều dài 26.95m; Bắc giáp thửa đất số 65 có chiều dài 26,61m; Tây giáp thửa đất số 64 có chiều dài 5.04m. Trên phần giao cho anh M có 01 cây keo và 01 cây nhãn núi

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể tách rời của bản án)

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn M có nghĩa vụ thối lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc cho chị Nguyễn Thị Bích P là 3.250.000 đồng

Về án phí: Anh Nguyễn M phải chịu 1.768.775 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 1.763.775 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng). Được khấu trừ 891.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004889 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, chị P còn phải nộp là 872.775 đồng (Tám trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Kha